

**Đi tìm “minh triết chính trị”
trong quan hệ Việt - Trung**

ĐỖ TRỌNG

**Định vị quan hệ Việt - Nga
trong chính sách đối ngoại Việt Nam**

ĐỖ TRỌNG

**Việt Nam và Philippines thắt chặt hợp tác hàng hải:
Kẻ thù của kẻ thù là bạn?**

TRƯƠNG TUẤN KIỆT

**Trung Quốc quyết đoán ở Biển Đông:
Việt Nam và Ấn Độ tăng cường hợp tác quốc phòng**

HUYNH TÂM SÁNG

**Kênh đào Funan Techo:
Campuchia xích lại với Trung Quốc
nhưng xa rời Việt Nam?**

TRƯƠNG TUẤN KIỆT

**CẠNH TRANH ĐỊA CHÍNH TRỊ CHÂU Á
VIỆT NAM
GIỮA HỢP TÁC VÀ ĐẤU TRANH**

VIỆT NAM VÀ NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG CHIẾN LƯỢC Ở KHU VỰC

CẠNH TRANH ĐỊA CHÍNH TRỊ CHÂU Á
VIỆT NAM
GIỮA HỢP TÁC VÀ ĐẤU TRANH

**Đi tìm “minh triết chính trị”
trong quan hệ Việt - Trung**
ĐỖ TRỌNG

**Định vị quan hệ Việt - Nga
trong chính sách đối ngoại Việt Nam**
ĐỖ TRỌNG

**Việt Nam và Philippines thắt chặt hợp tác hàng hải:
Kẻ thù của kẻ thù là bạn?**
TRƯƠNG TUẤN KIỆT

**Trung Quốc quyết đoán ở Biển Đông:
Việt Nam và Ấn Độ tăng cường hợp tác quốc phòng**
HUỖNH TÂM SÁNG

**Kênh đào Funan Techo:
Campuchia xích lại với Trung Quốc
nhưng xa rời Việt Nam?**
TRƯƠNG TUẤN KIỆT

Vietnam Strategic Forum (VSF) là dự án học thuật độc lập, phi lợi nhuận và phi chính trị được nhóm các nhà nghiên cứu trẻ có nền tảng về quan hệ quốc tế xây dựng. VSF cung cấp cho độc giả những phân tích, đánh giá, và bình luận chuyên sâu về quan hệ ngoại giao, chính trị đối nội của Việt Nam, và các chuyển động quan hệ quốc tế trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

✉ vnstrategic@gmail.com

Lời nói đầu

Cạnh tranh địa chính trị châu Á: Việt Nam giữa hợp tác và đấu tranh

Số tháng 8 của Vietnam Strategic Forum (VSF) với tiêu đề “Cạnh tranh địa chính trị châu Á: Việt Nam giữa hợp tác và đấu tranh” tập trung vào chiến lược ngoại giao tinh tế của Việt Nam với các quốc gia trong khu vực trong bối cảnh địa chính trị đầy biến động.

Qua năm bài phân tích, hãy cùng VSF khám phá cách Hà Nội cân bằng giữa hợp tác và đấu tranh cũng như điều phối các mối quan hệ bạn - thù.

Chuỗi bài phân tích bắt đầu với “minh triết chính trị” trong quan hệ Việt - Trung, qua đó cho thấy cách Việt Nam vận dụng các bài học lịch sử để cân bằng giữa hợp tác kinh tế với Trung Quốc và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Bài phân tích tiếp theo về quan hệ Việt - Nga nêu bật thực tế rằng Moscow vẫn đóng vai trò quan trọng chiến lược trong chính sách đối ngoại của Hà Nội.

Hai bài viết về hợp tác với Philippines và Ấn Độ phản ánh cách Việt Nam xây dựng các liên kết chiến lược để đối phó với sự quyết đoán của Trung Quốc ở Biển Đông. Cuối cùng, bài viết về kênh đào Funan Techo cho thấy thách thức của Việt Nam khi hai nước láng giềng Campuchia và Trung Quốc ngày càng xích lại gần nhau.

Lời nói đầu

Xuyên suốt các bài viết, chiến lược ngoại giao đa dạng hoá, đa phương hoá và cách ứng xử linh hoạt của Việt Nam được phản ánh rõ nét, qua đó cũng cho thấy cách Hà Nội cân bằng khéo léo giữa hợp tác kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng với các đối tác châu Á mà vẫn đảm bảo lợi ích quốc gia.

VSF hy vọng số tháng này sẽ mang đến cho quý độc giả cái nhìn sâu sắc về cách Việt Nam điều hướng giữa những thách thức và cơ hội trong khu vực, đồng thời thúc đẩy những cuộc thảo luận sâu rộng về chiến lược đối ngoại của Việt Nam.

Vietnam Strategic Forum

Đi tìm “minh triết chính trị” trong quan hệ Việt - Trung ĐỖ TRỌNG	4
Định vị quan hệ Việt - Nga trong chính sách đối ngoại Việt Nam ĐỖ TRỌNG	14
Việt Nam và Philippines thắt chặt hợp tác hàng hải: Kẻ thù của kẻ thù là bạn? TRƯƠNG TUẤN KIỆT	24
Trung Quốc quyết đoán ở Biển Đông: Việt Nam và Ấn Độ tăng cường hợp tác quốc phòng HUYỀN TÂM SÁNG	33
Kênh đào Funan Techo: Campuchia xích lại với Trung Quốc nhưng xa rời Việt Nam? TRƯƠNG TUẤN KIỆT	38



Đi tìm “minh triết chính trị” trong quan hệ Việt - Trung

Với Hà Nội, lịch sử là những bài học phản ánh các sắc thái đa chiều của mối bang giao nhiều thăng trầm với Bắc Kinh. Ở đó, sự tồn vong của đất nước và lợi ích quốc gia tạo nên “minh triết chính trị” trong mỗi quan hệ bất đối xứng điển hình.

ĐỒ TRỌNG

Trung tuần tháng 8/2024, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm **thăm** cấp nhà nước Trung Quốc trong ba ngày (18-20/8), theo lời mời của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình. Đây là chuyến thăm nước ngoài đầu tiên của ông Tô Lâm trên cương

vị mới, sau khi ông được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa 13 **bầu** làm Tổng Bí thư hôm 3/8.

Là hoạt động đối ngoại truyền thống, chuyến thăm tiếp nối các cuộc trao đổi đoàn cấp cao giữa

lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc sau những chuyển động chính trị quan trọng ở mỗi quốc gia. Năm 2017, ông Tập Cận Bình từng **đến** Đà Nẵng dự Hội nghị Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) trước khi ra Hà Nội để gặp các lãnh đạo Việt Nam từ ngày 10 đến ngày 13/11. Chuyến thăm **đánh dấu** lần đầu tiên ông Tập công du nước ngoài sau khi tái đắc cử Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản

Trung Quốc tại Đại hội 19 (10/2017).

Sau đó năm năm, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng **gặp** lại ông Tập trong chuyến thăm cấp nhà nước đến Trung Quốc từ ngày 30/10 đến ngày 1/11/2022. Đây cũng **là** chuyến thăm nước ngoài đầu tiên của ông Trọng sau khi được bầu tiếp tục giữ chức Tổng Bí thư ở Đại hội 13 của Đảng Cộng sản Việt Nam (1-2/2021). Khi đó, nhà lãnh đạo Việt Nam cũng là vị khách quốc tế đầu tiên Trung Quốc đón tiếp sau khi nước này tổ chức thành công Đại hội 20 (10/2022).

Ngoài những điểm tương đồng, chuyến thăm Trung Quốc của ông Tô Lâm có một số yếu tố khác biệt, một phần bởi thời gian chuẩn bị và thu xếp lịch trình gấp rút (chỉ khoảng hai tuần từ ngày ông nhậm chức). Nhìn rộng ra, ông Tô Lâm là nhà lãnh đạo Việt Nam thứ hai sau Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trung Quốc trong cả hai vai trò: người đứng đầu Đảng và nguyên thủ quốc gia. Trong quan hệ Việt - Trung, sự gắn bó mật thiết giữa yếu tố Đảng và Nhà nước vốn đã bền chặt nay trở

Chuyến thăm Trung Quốc của ông Tô Lâm góp phần thực hiện nhiệm vụ đối ngoại quan trọng nhất ở thời điểm hiện tại: củng cố lòng tin đối với Bắc Kinh.



thành chủ đề xuyên suốt, góp phần củng cố các giá trị truyền thống và định hướng cho các hoạt động hợp tác song phương trong khuôn khổ chuyến thăm.

Ôn cố tri tân

Trước khi đến Bắc Kinh, đoàn lãnh đạo cấp cao của Việt Nam đã **thăm** thành phố Quảng Châu (tỉnh Quảng Đông), “**cái nôi**” của cách mạng Trung Quốc đồng thời là “địa chỉ đỏ” gắn với hoạt động của nhóm lãnh đạo đầu tiên của Việt Nam. Thay vì xuất hiện trong lễ đón chính thức tại Đại lễ đường Nhân dân như thông lệ, những hoạt động đầu tiên của ông Tô Lâm tại Trung Quốc được **ghi nhận** ở mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái—nhà hoạt động cách mạng Việt Nam đã thực hiện cuộc ám sát bất thành toàn quyền Đông Dương Henry Merlin năm 1924—và sau đó là khu di tích Trụ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên—tổ chức **tiền thân** của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

Việc ông Tô Lâm lựa chọn Quảng Châu là điểm dừng chân đầu tiên trong chuyến thăm Trung Quốc

cho thấy Hà Nội coi trọng nền tảng lịch sử của quan hệ Việt - Trung, rộng hơn là phản ánh sự kiên định của Việt Nam đối với đường lối phát triển đất nước do lớp lãnh đạo tiền bối **vạch ra** từ 100 năm trước. Thông điệp “ôn cố tri tân” của chuyến công du còn được thể hiện rõ khi, sau cuộc hội đàm với ông Tập, ông Tô Lâm đã **đặt** vòng hoa tưởng niệm Chủ tịch Trung Quốc Mao Trạch Đông ở thủ đô Bắc Kinh. Dù có nhiều **tranh cãi** xoay quanh cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Mao, với Hà Nội, nhà lãnh đạo Trung Quốc được **xem** là người đã cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng cho “tình hữu nghị vĩ đại của hai nước”—“tài sản vô giá” của hai quốc gia.

Là hai Đảng Cộng sản cầm quyền **lớn nhất** hiện nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc (thành lập năm 1921) và Đảng Cộng sản Việt Nam (thành lập năm 1930) chủ trương “kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và thúc đẩy hiện đại hóa phù hợp với tình hình mỗi nước”, đặt mục tiêu “nâng tầm quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”

(năm 2008) và “xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc” (năm 2023). Trong thời điểm nền chính trị quốc tế **chúng kiến** nhiều xu hướng tương phản, sự tương đồng về ý thức hệ đã và đang tạo nên tính gắn kết đặc biệt trong quan hệ Việt - Trung.

Thời báo Hoàn cầu (Global Times), một ấn phẩm của Nhật báo Nhân dân (People's Daily)—cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc, **nhận định** rằng sự gắn kết “vừa là đồng chí vừa là anh em” khiến mối quan hệ giữa hai nước vượt ra khỏi khuôn khổ các yếu tố địa chính trị. Tờ báo này chỉ trích những bình luận phiến diện của truyền thông phương Tây về quan hệ song phương, vốn có góc nhìn “hạn hẹp” từ góc độ cạnh tranh nước lớn.

Chuyến đi của ông Tô Lâm đến Quảng Đông và Bắc Kinh lần này diễn ra hơn một tháng sau khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá 20 tiến hành Hội nghị toàn thể lần thứ 3 (Hội nghị Trung ương 3). Trong các nhiệm kỳ đã

qua, hội nghị là sự kiện chính trị quan trọng, nơi lãnh đạo Trung Quốc **tập trung** thảo luận chính sách kinh tế, gắn với các nghị quyết góp phần thay đổi bộ mặt quốc gia. Một trong số đó là chủ trương “cải cách và mở cửa” (reform and opening) được đề ra tại Đại hội 11 năm 1978.

Năm nay, dù hội nghị tiếp tục nhấn mạnh yếu tố kinh tế, giới quan sát vẫn **nhận ra** ưu tiên đảm bảo an ninh quốc gia, mà trọng tâm là an ninh chính trị, trong các cuộc thảo luận của các ủy viên trung ương Trung Quốc. Nghị quyết của hội nghị tiếp tục **khẳng định** sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là điều kiện chủ yếu đảm bảo Trung Quốc có thể “tiếp tục cải cách toàn diện” và “thúc đẩy hiện đại hóa” tại đất nước 1,4 tỷ dân.

Với Việt Nam, trong thời điểm Đại hội 14 (dự kiến tổ chức tháng 1/2026) đang đến gần, thành tựu phát triển kinh tế, xây dựng đảng và hệ thống chính trị, đào tạo cán bộ của Trung Quốc trở thành kinh nghiệm **tham khảo** quan trọng cho Hà Nội, đặc biệt là khi Việt Nam đang **xem xét** tổng kết chiến lược phát triển kinh tế - xã

hội, nhấn mạnh ưu tiên chuyển đổi mô hình tăng trưởng và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, trong khuôn khổ chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, bên cạnh các lĩnh vực truyền thống **nhu** thương mại và đầu tư, hai nước cũng **chú trọng** trao đổi lý luận và kinh nghiệm thực tiễn giữa Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Trường Đảng Trung ương Trung Quốc—các cơ sở phụ trách đào tạo cán bộ cấp cao cho tổ chức Đảng của hai nước. Bên cạnh đó, các cuộc tiếp xúc song phương giữa lực lượng **công an** và **quân đội** của Việt Nam và Trung Quốc cũng được tổ chức, nhằm thắt chặt hợp tác và tăng cường hiểu biết lẫn nhau cho lực lượng đóng vai trò nòng cốt, là **“thanh kiếm và lá chắn”** của an ninh quốc gia—theo lời của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Bằng nhiều biện pháp, Hà Nội và Bắc Kinh đã nỗ lực cụ thể hóa sáu phương hướng nhằm “tăng cường quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc lên tầm cao mới” (hay còn gọi là “ó

hơn”), được **đề cập** lần đầu khi ông Tập thăm chính thức Việt Nam tháng 12/2023. Các phương hướng đó là “tin cậy chính trị cao hơn, hợp tác quốc phòng - an ninh thực chất hơn, hợp tác thực chất sâu sắc hơn, nền tảng xã hội vững chắc hơn, phối hợp đa phương chặt chẽ hơn, và bất đồng được kiểm soát, giải quyết tốt hơn”.

Thông điệp trong chuyến thăm lần này của ông Tô Lâm rất rõ ràng. **Với** quan hệ láng giềng gần gũi “núi liền núi, sông liền sông”, mỗi khi nhìn về quá khứ, lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc có thể tìm thấy điểm chung là lý tưởng đấu tranh cách mạng của các thế hệ lãnh đạo tiền bối trong buổi đầu gian khó. Nghĩ tới tương lai, Hà Nội và Bắc Kinh lại chia sẻ những yếu tố tương đồng trong mục tiêu phát triển, dựa trên mối quan hệ song phương khăng khít trên **cả** kênh Đảng, ngoại giao Nhà nước và hoạt động giao lưu nhân dân.

“Minh triết chính trị”

Có lẽ đó cũng là tinh thần mà ông Tập gửi gắm khi **sử dụng**

cụm từ “minh triết chính trị” (political wisdom) để đề cập đến việc xây dựng tầm nhìn về cộng đồng “chia sẻ tương lai Việt - Trung” vào tháng 4/2024, trong cuộc hội kiến với Chủ tịch Quốc hội Việt Nam khi đó là Vương Đình Huệ. Với truyền thông nhà nước Trung Quốc, “minh triết chính trị” được nhắc đến thường xuyên, nhưng nội hàm của thuật ngữ này hiếm khi được Bắc Kinh giải thích đầy đủ.

Trong một bài viết bằng tiếng Anh, Trung Quốc dùng “minh triết chính trị” để chỉ **năng lực** quản trị quốc gia sau bốn thập niên “phát triển thần kỳ”. Trong một lần khác, “minh triết chính trị” trở thành **tư duy** đối ngoại của các chính trị gia Washington khi mở đường phát triển quan hệ nồng ấm với Trung Quốc trong quá khứ. Trong một bài viết vào cuối tháng 6/2024 trên Thời báo Hoàn cầu, “minh triết chính trị” **được dùng** để nói về “Năm nguyên tắc chung sống hòa bình” (Five Principles of Peaceful Coexistence), một dạng chuẩn tắc trong quan hệ quốc tế được Trung Quốc và Ấn Độ **sử dụng** lần đầu tiên trong một hiệp định

song phương vào năm 1954, đặt nền móng cho hợp tác giữa hai nước trong thời điểm nhiều tranh chấp biên giới chưa thể giải quyết hoàn toàn.

Với trường hợp của Việt Nam, **có thể** lãnh đạo Bắc Kinh dùng “minh triết chính trị” để nhấn mạnh đến những lựa chọn chiến lược của Hà Nội trong quan hệ với Trung Quốc, hay rộng hơn là cách nước này xác định ưu tiên trong chính sách đối ngoại **trước** “những thay đổi sâu sắc và phức tạp” của tình hình thế giới. Nhìn vào đại cục là truyền thống hữu nghị Việt - Trung, dựa trên nền tảng là sự tương đồng về ý thức hệ của hai Đảng, Bắc Kinh dường như kêu gọi một sự đảm bảo mạnh mẽ từ Hà Nội cho cam kết hiện thực hóa tầm nhìn của lãnh đạo hai bên.

Ở góc độ này, chuyến thăm của ông Tô Lâm là một thành công quan trọng với những đóng góp mang tính định hướng, được cụ thể hóa thành nội dung của bản tuyên bố chung. Việt Nam và Trung Quốc **khẳng định** lấy “nguyên ước hữu nghị ban đầu” là động lực, xem “sứ mệnh chung”

là mục tiêu. Hai nước sử dụng những cụm từ xuất hiện trong khẩu hiệu **chủ đề** của Đại hội 19 Đảng Cộng sản Trung Quốc và **Báo cáo** chính trị tại Đại hội 20, qua đó thể hiện sự thống nhất cao về quan điểm lãnh đạo giữa hai Đảng cầm quyền, nỗ lực vun đắp quan hệ song phương dựa trên nền tảng chính trị và sự gắn gũi về mặt thể chế.

Trên thực tế, lịch sử quan hệ Việt - Trung cũng là quá trình tương tác lâu dài và liên tục giữa một nước nhỏ và một cường quốc, đặc trưng bởi các yếu tố khó lường trong một mối quan hệ bất đối xứng (asymmetric relationship) điển hình. Trong điều kiện **lý tưởng**, việc đảm bảo mối quan hệ này phát triển ổn định đòi hỏi Trung Quốc cần hạn chế nguy cơ trở thành mối đe dọa cho Việt Nam. Trong khi tìm cách đạt được sự công nhận về vị thế, Bắc Kinh không nên để xảy ra những tình huống an ninh buộc quốc gia láng giềng phải tìm cách phản kháng. Trong khi đó, Hà Nội cần nỗ lực để đảm bảo sự tồn tại và khả năng tự chủ trong quan hệ với Trung Quốc, bằng cách ý thức rõ ràng

về chênh lệch quyền lực giữa hai nước, và quan trọng là không tiến hành các bước đi có thể khiến Bắc Kinh cảm thấy vị thế cường quốc của mình bị lung lay.

Tuy nhiên, không phải lúc nào Việt Nam và Trung Quốc cũng có thể đưa ra những quyết sách hài hòa về mặt lợi ích, và đôi khi một vài kiến giải sai lầm có thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm xói mòn lòng tin trong quan hệ song phương. Trên thực tế, sự tương đồng về ý thức hệ đã không thể ngăn Chiến tranh biên giới Việt - Trung **nổ ra** vào tháng 2/1979, kéo theo bất ổn **leo thang** tại khu vực sáu tỉnh phía Bắc của Việt Nam 10 năm sau đó. Bên cạnh tình trạng phá hoại, lấn chiếm lãnh thổ và những hoạt động khiêu khích, cuộc chiến năm 1979 là "trận đánh lớn cuối cùng trong thế kỷ 20 của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Hoa", đồng thời là "bài học" mà Bắc Kinh muốn **dạy** cho Hà Nội sau một loạt bất đồng nảy sinh trước đó giữa hai nước. Cuộc chiến kéo dài trong khoảng 30 ngày, nhưng quan hệ Việt - Trung mất 12 năm để **trở lại** quỹ đạo bình thường vào năm 1991. Đến tháng 3/1988, yếu tố ý

thức hệ đã một lần nữa không ngăn được Trung Quốc **tấn công** lực lượng chấp pháp của Việt Nam trên Biển Đông, sát hại 64 chiến sỹ và bắt đầu quá trình chiếm giữ lâu dài bãi đá Gạc Ma (Johnson Reef) thuộc Quần đảo Trường Sa. Thực tế cho thấy, khi lòng tin chính trị chạm đáy, ngay cả yếu tố ý thức hệ cũng không thể xoa dịu những ngờ vực và hóa giải các thách thức về an ninh. Trong đa số trường hợp, mọi cân nhắc trở nên kém quan trọng hơn khi bàn đến lợi ích quốc gia.

Trong nhận thức của Trung Quốc, quyết định **tấn công** Việt Nam năm 1979 phần nào **xuất phát** từ nhu cầu được đảm bảo về an ninh, đặc biệt là từ sau khi Hà Nội và Moscow ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác năm 1978 để xác lập quan hệ **"đồng minh chiến lược"** Việt - Xô. Thời điểm đó, dù sự "ủng hộ và giúp đỡ toàn diện, to lớn và quý báu" của Liên Xô, Trung Quốc và các quốc gia xã hội chủ nghĩa là yếu tố góp phần tạo nên thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng đất nước tại Việt Nam, nhưng ngay cả sợi dây liên kết bền chặt ấy cũng không đảm bảo cho sự gắn gũi về tư duy

chiến lược giữa Hà Nội, Moscow và Bắc Kinh trong nhiều thời điểm.

Chính khác biệt về lợi ích đã khiến Trung Quốc **xem nhẹ** quan ngại của Việt Nam trước mối liên hệ chặt chẽ của cường quốc này với chế độ Khmer Đỏ ở Campuchia, trong khi lăng kính thù địch khiến Bắc Kinh nhận thấy việc Hà Nội "liên minh" với Moscow trong bối cảnh chia rẽ Trung - Xô là một mối đe dọa nghiêm trọng. Ở một chừng mực nhất định, cuộc chiến này, hay **phép thử** đầy rủi ro của Trung Quốc về ngưỡng can thiệp quân sự của Liên Xô để bảo vệ đồng minh, đã thực sự trở thành "bài học xương máu" cho Việt Nam về quy luật tồn tại. Ngay cả sự tương đồng về ý thức hệ lẫn việc tham gia liên minh quân sự với một siêu cường xa xôi cũng không thể đảm bảo cho an ninh của Hà Nội trước một cường quốc láng giềng. Đến năm 1988, Bắc Kinh tiếp tục bất chấp tình hữu nghị song phương khi tiến hành thay đổi nguyên trạng và cưỡng đoạt các thực thể trên quần đảo Trường Sa bằng vũ lực. Cuộc **tấn công** này **tiếp nối** các

hành động khiêu khích, dần leo thang lên thành xung đột trực tiếp giữa Bắc Kinh và lực lượng Việt Nam Cộng hòa ở quần đảo Hoàng Sa trong Hải chiến Hoàng Sa, dẫn đến việc Trung Quốc kiểm soát quần đảo này từ năm 1974.

Lợi ích bất biến

Không rõ là vô tình hay hữu ý mà chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm khép lại hai ngày trước khi Trung Quốc kỷ niệm 120 năm ngày sinh của Đặng Tiểu Bình (22/8/1904 - 22/8/2024)—lãnh đạo tối cao của Trung Quốc từ năm 1978 đến năm 1989, đồng thời cũng là “nhà cải cách” có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đối với sự phát triển của Trung Quốc. Việc Bắc Kinh tôn vinh ông Đặng chính là thừa nhận di sản của nhà lãnh đạo quê Tứ Xuyên trong lịch sử nước này, trong đó có cả các quyết sách với Việt Nam vào năm 1979 và năm 1988. Đối với Hà Nội, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc đến nay vẫn là cuộc chiến của chính nghĩa trước âm mưu bành trướng của Bắc Kinh, là “sự kiện lịch sử không được phép lãng quên”, là ký ức “đau thương” không được

phép lặp lại. Ngược lại, với Trung Quốc, cuộc chiến đã, đang và sẽ tiếp tục là nỗ lực “phản kích tự vệ” (self-defensive counter-attack), nhằm bảo vệ chủ quyền, hoàn thành sứ mệnh quốc tế đối với Campuchia, ngăn chặn âm mưu bá quyền Liên Xô và tham vọng bành trướng của Việt Nam ở khu vực.

Sau hơn 40 năm, dù môi trường quốc tế đã thay đổi và vị thế Trung Quốc đã có những chuyển biến, nhưng những ưu tiên của Bắc Kinh đối với an ninh quốc gia vẫn là hòn đá tảng trong việc hoạch định chính sách ở Trung Nam Hải. Trong viễn cảnh bi quan nhất, không điều gì có thể đảm bảo sẽ không có một lãnh đạo Trung Quốc kế tiếp gọi hành động của Việt Nam là “khiêu khích” và quyết định dạy cho quốc gia láng giềng phương Nam “một bài học khác” một khi sự tin cậy bị xói mòn và quan hệ Việt - Trung lệch khỏi quỹ đạo hiện tại.

Do đó, một mặt Việt Nam kiên định đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hoá, đa phương hoá” và theo đuổi chính

sách quốc phòng “bốn không” để duy trì sự tự chủ chiến lược trong quan hệ với các cường quốc. Mặt khác, việc tổ chức các hoạt động đối ngoại cấp cao như chuyến thăm Trung Quốc của ông Tô Lâm góp phần thực hiện nhiệm vụ đối ngoại quan trọng nhất ở thời điểm hiện tại: củng cố lòng tin đối với Bắc Kinh.

Trong tuyên bố chung sau chuyến thăm, Việt Nam và Trung Quốc nhắc lại “lựa chọn chiến lược của hai bên” rằng Hà Nội định vị “quan hệ với Trung Quốc là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa”, trong khi Bắc Kinh xem “Việt Nam là hướng ưu tiên trong ngoại giao láng giềng”. Nói cách khác, khẳng định vị thế hàng đầu và tầm quan trọng chiến lược của Trung Quốc trong chính sách đối ngoại Việt Nam là điều mà Bắc Kinh luôn cần Hà Nội cam kết.

Khi không thể thay đổi sự gắn gũi về mặt địa lý giữa hai nước, Việt Nam hiểu rằng an ninh quốc gia phụ thuộc vào cách nước này vun đắp tình hữu nghị với Trung Quốc và đảm bảo quan hệ song phương

phát triển lành mạnh với đầy đủ sự tin cậy. Là một nước nhỏ, “minh triết” của Hà Nội chính là thừa nhận thực tế rằng Việt Nam sẽ không có nhiều cơ hội để sửa sai một khi quan hệ với cường quốc láng giềng phương Bắc vượt ngoài tầm kiểm soát.





Định vị quan hệ Việt - Nga trong chính sách đối ngoại Việt Nam

Đối với Hà Nội, mối quan hệ truyền thống với Moscow được củng cố dựa trên tình hữu nghị lâu đời và lấy thành quả hợp tác quốc phòng - an ninh làm cơ sở.

ĐỒ TRỌNG

Ngày 8/8/2024, Thông tấn xã Việt Nam đưa tin Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã có cuộc điện đàm với Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin. Ngoài những nội dung trao đổi mang tính “truyền thống” về quan hệ song phương, bản tin đề cập đến một động thái hiếm gặp

trong cuộc thảo luận giữa hai nhà lãnh đạo. Dù trước đó đã có thư, ông Putin vẫn “đề nghị điện đàm để trực tiếp chúc mừng” ông Tô Lâm trở thành Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá 13.

Ảnh: Chủ tịch nước Tô Lâm (T) chủ trì lễ đón Tổng thống Nga hôm 20/6/2024 tại Hà Nội - (C): VGP

Trong phiên họp bất thường tại Hà Nội hôm 3/8, ông Tô Lâm được tất cả ủy viên Trung ương thống nhất chọn **kế nhiệm** cố Tổng Bí thư **Nguyễn Phú Trọng**—người qua đời hôm 19/7 khi còn đương chức. Cùng với chức danh Chủ tịch nước được Quốc hội **bầu** vào cuối tháng 5/2024, ông Tô Lâm trở thành người thứ hai sau ông Nguyễn Phú Trọng đồng thời giữ hai vị trí là **Chủ tịch nước** và **Tổng Bí thư Đảng** kể từ năm 1987. Như vậy, cuộc điện đàm với người đứng đầu Điện Kremlin cũng là cuộc điện đàm đầu tiên của nhà lãnh đạo quê Hưng Yên trên cương vị mới.

Việc nguyên thủ quốc gia của Việt Nam và Nga thăm hỏi và chúc mừng nhau mỗi khi được giao trọng trách quan trọng là **không** hiếm. Tháng 4/2021, ông Putin đã **có** cuộc điện đàm chúc mừng Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đặc cử lần ba tại Đại hội 13 của Đảng Cộng sản Việt Nam, và cũng nhân dịp hai nước **kỷ niệm** 20 năm thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược Việt - Nga (2001 - 2021).

Thời điểm đó, ông Putin vẫn chưa công bố **bài viết** gây tranh cãi “Về sự thống nhất lịch sử của người Nga và người Ukraine”, mười tháng trước khi quyết định **phát động** “chiến dịch quân sự đặc biệt” tại quốc gia láng giềng vào tháng 2/2022—cuộc chiến **lớn nhất** ở châu Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong khi xung đột đang diễn ra, sự hăng hái của ông Putin đối với một

Quan hệ gần gũi giữa Việt Nam và Liên Xô cũ cũng như nước Nga hiện đại được đặc trưng bởi những giá trị truyền thống mang tính kế thừa và gắn bó chặt chẽ với quá trình phát triển của mỗi nước.

hoạt động lễ nghi ngoại giao thông thường thu hút sự chú ý. Lời đề nghị của nhà lãnh đạo Nga được đưa ra chỉ vài ngày sau khi Moscow phải đối phó với cuộc tiến công bất ngờ của lực lượng Ukraine vào Kursk—một khu vực nằm sâu trong lãnh thổ Nga, lần **đầu tiên** kể từ đầu cuộc chiến.

Điều đáng nói là cách đây chưa đầy hai tháng, ngày 20/6/2024, đích thân ông Putin đã **có** lần thứ năm đến Việt Nam trong vai trò nguyên thủ quốc gia. Khi đó, chuyến thăm cấp nhà nước của nhà lãnh đạo Nga được tiến hành với một lịch trình **kéo dài** chưa đầy 24 giờ. Dẫu vậy, ông Putin vẫn kịp **gặp** đủ “Tứ trụ”—bốn lãnh đạo cao nhất của Việt Nam—là Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Chủ tịch nước Tô Lâm, Thủ tướng Phạm Minh Chính và Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn. Cuộc gặp với ông Putin cũng **là** lần cuối cùng vị Tổng Bí thư quá cố của Việt Nam xuất hiện trước công chúng.

Sự đón tiếp trọng thị mà Việt Nam **dành cho** người đứng đầu Điện Kremlin như **thường lệ** cho thấy lập trường kiên định của Hà

Nội đối với “**tình hữu nghị thân thiết, thủy chung, sâu sắc**” giữa hai nước. Điều này có ý nghĩa rất lớn với Nga khi Moscow đang bị Mỹ và các quốc gia phương Tây **cô lập**. Với **nhiều nước**, ông Putin là đối tượng truy nã của Toà án Hình sự Quốc tế (ICC) với các cáo buộc gây ra “tội ác chiến tranh” tại Ukraine. Tuy vậy, ở Việt Nam (nước không là thành viên của ICC), ông Putin được xem như người đại diện hợp hiến của Nga—quốc gia kế tục Liên Xô và hiện là một trong bảy đối tác chiến lược toàn diện mà Hà Nội hết sức coi trọng.

Sau Belarus, Trung Quốc và Triều Tiên, Việt Nam **là** điểm đến thứ tư mà ông Putin công du từ khi nhậm chức Tổng thống nhiệm kỳ thứ năm vào tháng 5/2024, đồng thời cũng **là** nơi xa xôi nhất mà nhà lãnh đạo Nga đặt chân đến (kể từ tháng 2/2022). Dù vậy, khác với Bắc Kinh và Bình Nhưỡng, Hà Nội **là** một cường quốc tầm trung năng động, **có** quan hệ hợp tác tích cực với Mỹ, đồng thời không bị phương Tây xếp vào “**liên minh độc tài**” (authoritarian alliance)—

nhóm các quốc gia được cho là bất hảo và đang có xu hướng xích lại gần nhau (gồm Nga, Iran, Trung Quốc và Triều Tiên). Do đó, đối với ông Putin thì chuyến thăm Việt Nam vừa có **ý nghĩa** về mặt ngoại giao, vừa là nỗ lực khẳng định uy tín cá nhân, đồng thời cũng cho thấy cách mà một nước Nga **đơn độc** tìm kiếm sự ủng hộ rộng rãi hơn trên trường quốc tế.

Tại Hà Nội, chính sách “ngoại giao ký ức” (memory diplomacy) của ông Putin đang **phát huy** hiệu quả nhất định. Nỗ lực này **nhằm** củng cố ảnh hưởng của Nga ở hiện tại dựa trên những hình ảnh tích cực, có chọn lọc về Liên Xô trong quá khứ. Bất chấp những **áp lực** xung quanh chuyến thăm, Hà Nội vẫn **đón** ông Putin với nghi thức lễ tân cao nhất, tương tự cách nước này đón Tổng thống Mỹ Joe Biden vào tháng **9/2023** và Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình vào tháng **12/2023**. Đặt ông Putin ngang hàng với lãnh đạo của Mỹ và Trung Quốc về phương diện đón tiếp, Việt Nam muốn khéo léo gửi đi **thông điệp** về sự nhất quán trong **chính sách** đối ngoại

cân bằng mà nước này theo đuổi lâu nay. Cụ thể, Việt Nam đã **thể hiện** cách tiếp cận này ngay từ những ngày đầu quân đội Nga tràn vào Ukraine, với **diễn ngôn** chính trị ôn hòa và những **lá phiếu** trung lập đi ngược lại số đông chỉ trích Moscow tại Liên Hợp Quốc.

Hà Nội **khẳng định** chuyến thăm của ông Putin và đoàn đại biểu cấp cao của Nga góp phần thắt chặt mối quan hệ giao truyền thống giữa hai quốc gia. Để rộng đường dư luận, Báo Nhân Dân—cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Việt Nam—còn **công bố** bài viết của Tổng thống Nga nêu bật ý nghĩa và triển vọng hợp tác song phương trong thời gian tới. Bài viết sau đó được nhiều tờ báo lớn tại Việt Nam **đưa tin** hoặc **đăng lại** toàn văn. Trong nền báo chí đặt dưới sự lãnh đạo **tuyệt đối** của Đảng, mà trực tiếp là các ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cách làm truyền thông tương tự chỉ **xuất hiện** trước đó một lần trong chuyến thăm chính thức của ông Tập Cận Bình tới Việt Nam vào năm ngoái. Những cử chỉ ngoại giao thân thiện và trang trọng của Hà

Nội phần nào tạo nên mối quan hệ cá nhân tích cực giữa lãnh đạo Việt Nam và Nga ở thời điểm hiện tại.

Không chỉ vậy, giá trị lịch sử là một bảo chứng của tình hữu nghị Việt - Nga. Trước chuyến thăm của ông Putin vài ngày, hai nước kỷ niệm 30 năm ký kết Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị song phương (16/6/1994 - 16/6/2024). Thoả thuận này về bản chất là sự **điều chỉnh** quan hệ đồng minh Việt - Xô (1978) thành quan hệ hữu nghị Việt - Nga (1994). Sau chuyến thăm, Hà Nội và Moscow **tiếp tục** vạch ra phương hướng hợp tác trên các lĩnh vực quan trọng như quốc phòng - an ninh, năng lượng và khoa học công nghệ, ký kết thêm 11 văn kiện, đồng thời hướng tới kỷ niệm 75 năm thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 2025.

Trong gần ba phần tư thế kỷ đã qua, có hơn một nửa thời gian (từ khi hai nước thiết lập quan hệ năm 1950 đến khi Liên Xô sụp đổ năm 1991) Hà Nội và Moscow **duy trì** tình hữu nghị khăng khít dựa trên sự tương đồng về ý thức hệ.

Với **đỉnh cao** là Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Liên Xô năm 1978, cả hai từng **tuyên bố** “sẽ trao đổi ý kiến với nhau về tất cả các vấn đề quốc tế quan trọng có liên quan đến lợi ích của hai nước”, và rằng “trong trường hợp một trong hai bên bị tấn công hoặc bị đe dọa tấn công thì hai bên ký kết Hiệp ước sẽ lập tức trao đổi ý kiến với nhau nhằm loại trừ mối đe dọa đó và áp dụng những biện pháp thích đáng và hiệu quả để bảo vệ hòa bình và an ninh của hai nước”, trích Điều 6 của Hiệp ước.

Về bản chất, văn kiện trên là bước thể chế hoá quan hệ “**đồng minh chiến lược**” Việt - Xô, kế thừa những giá trị truyền thống mà hai nước đã chia sẻ trong suốt giai đoạn Hà Nội đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước, trong đó không thể không kể tới sự hỗ trợ to lớn của **Liên Xô** và **Trung Quốc**. Đến khi Việt Nam thống nhất đất nước năm 1976, lòng tin chính trị và **cá tính lãnh đạo** được cho là những lý do khiến Hà Nội và Moscow, thay vì Bắc Kinh, tiếp tục tìm thấy tiếng nói chung trong những vấn đề chiến lược về an ninh. Cùng với

việc tham gia Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV hay COMECON) do Liên Xô lãnh đạo vào tháng 6/1978, Việt Nam đã cụ thể hoá nghị quyết Đại hội Đảng lần IV năm 1976, đặt **mục tiêu** “tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, thực hiện sự phân công, hợp tác, tương trợ trên tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa.”

Dù vậy, đặt trong tổng thể **phức tạp** của tam giác Việt - Trung - Xô và bối cảnh quốc tế lúc bấy giờ, việc xác lập quan hệ mang tính liên minh về quân sự giữa Việt Nam và Liên Xô đã tạo ra mỗi lửa **đầu tiên** châm ngòi cho Chiến tranh biên giới Việt - Trung năm 1979, cùng hệ lụy là những vụ xung đột triển miên giữa lực lượng hai nước đến năm 1991.

Hậu chiến, nhất là từ sau khi Liên Xô tan rã, Việt Nam nhận thức rõ hơn hoàn cảnh chính trị của mình trong thế đối đầu giữa các cường quốc, đồng thời phần nào **kiểm chứng** được hậu quả của việc tự giới hạn các lựa chọn chiến lược trong quan hệ quốc tế. Những quan điểm tổng kết từ

giai đoạn đó sau này trở thành nền tảng trong **đường lối** đối ngoại “độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hoá, đa phương hoá” của Việt Nam, đồng thời cũng định hình **chính sách** quốc phòng “bốn không” mà Hà Nội theo đuổi, đó là “không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác và không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế”.

Tuy là những đối tác truyền thống của nhau, một số trụ cột trong hợp tác kinh tế song phương như thương mại và du lịch **chỉ** đóng vai trò thứ yếu trong tổng thể hoạt động đối ngoại của Việt Nam. Trong hai quý đầu năm 2024, kim ngạch xuất - nhập khẩu giữa Việt Nam và Nga đã **tăng** gần một nửa lên mức 2,3 tỷ USD. Tuy nhiên, con số này còn rất khiêm tốn so với giá trị hàng hoá trao đổi giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) (32,4 tỷ USD), thậm chí chỉ chiếm 3% tổng kim ngạch thương mại

giữa Việt Nam và Mỹ (61,4 tỷ USD) trong cùng giai đoạn.

Với ngành du lịch, dù nhiều nỗ lực kích cầu đã được triển khai trong năm 2024, lượng khách Nga vẫn chưa đạt 100.000 người trong tổng số 7,6 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam trong năm tháng đầu năm. Điều đáng nói là so với cùng kỳ năm 2023, thị trường này đã tăng trưởng ấn tượng (lên đến 175%) sau khi Việt Nam đưa Nga vào danh sách 13 quốc gia hưởng chính sách đơn phương miễn thị thực nhập cảnh vào tháng 8 năm ngoái, được ưu đãi với thời hạn tạm trú 45 ngày.

Có thể thấy, là một cường quốc thất thế, sức ảnh hưởng của Nga ngày nay đã và đang suy giảm rõ rệt, tương phản với vai trò lãnh đạo của Liên Xô đối với khối các nước xã hội chủ nghĩa trước kia, mà Việt Nam là một trong số các quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất. Tuy nhiên, không vì vậy mà ý nghĩa của quan hệ Việt - Nga mất đi tầm quan trọng vốn có trong chính sách đối ngoại của Hà Nội. Nhìn một cách tổng thể, giá trị chiến lược của hợp tác song phương trong những lĩnh

vực then chốt như an ninh - quốc phòng chính là cơ sở điều chỉnh quan hệ Việt - Nga trong thời gian tới.

Hợp tác chặt chẽ cùng Nga trong lĩnh vực năng lượng với các dự án khai thác dầu khí trên Biển Đông giúp Việt Nam có thêm một đối trọng với Trung Quốc, tạo cơ sở để bảo vệ lợi ích quốc gia và ứng phó tốt hơn với các hành vi hung hăng của Bắc Kinh trên biển. So với Mỹ và phương Tây, sự hiện diện của Nga ở Biển Đông không tạo ra những phản ứng gay gắt từ Bắc Kinh và cũng hiếm khi kích động nước này làm gia tăng tình trạng bất ổn ở khu vực. Sau khi Nga xâm lược Ukraine, sự tương đồng về lợi ích trong một số lĩnh vực và tầm nhìn chung về bối cảnh quốc tế càng kéo Nga và Trung Quốc xích lại gần nhau. Trong một hoàn cảnh cụ thể, Việt Nam rất có thể đã cân nhắc tình thế hiện tại của Nga để tranh thủ thời cơ thắt chặt quan hệ song phương. Bởi lẽ, khi triển vọng hoà bình cho cả Moscow và Kiev vẫn còn mờ nhạt, viễn cảnh xấu nhất với Hà Nội là khó khăn ở tiền tuyến buộc Nga phải từ bỏ lợi ích của

Việt Nam để đổi lấy sự ủng hộ từ Bắc Kinh, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, nhằm tìm lối ra cho cuộc chiến ở Ukraine.

Hiện tại, Nga vẫn là nhà cung cấp vũ khí chủ yếu cho Việt Nam, đóng góp 60-70% kho vũ khí và gần như toàn bộ số tàu hải quân Hà Nội sở hữu. Tháng 9/2023—thời điểm ông Biden thăm Việt Nam và nâng cấp quan hệ song phương lên Đối tác chiến lược toàn diện—truyền thông Mỹ đã tiết lộ một thoả thuận vũ khí bí mật trị giá 8 tỷ USD giữa Việt Nam và Nga trong khoảng thời gian 20 năm. Dù Hà Nội đã có chủ trương phát triển năng lực của ngành công nghiệp quốc phòng trong nước và đa dạng nguồn cung vũ khí với các đối tác tiềm năng, bao gồm Hàn Quốc, Nhật Bản và Cộng hòa Séc, các cuộc đàm phán vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Trên thực tế, nhập khẩu vũ khí của Hà Nội từ Moscow đã giảm xuống từ năm 2014. Tuy nhiên, xem xét yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, mức độ cạnh tranh về giá thành và sự quen thuộc trong hoạt động huấn luyện - tác chiến của các lực lượng cho thấy

Việt Nam vẫn cần Moscow trong nỗ lực hiện đại hoá quân đội. Rất có thể thoả thuận vũ khí mới nhất với Nga là biện pháp tối ưu để Việt Nam đảm bảo an ninh ở hiện tại, cho phép nước này tiếp tục duy trì thế tự chủ chiến lược trong quan hệ với các cường quốc.

Hôm 12/8, Bộ trưởng Quốc phòng Phan Văn Giang và đoàn đại biểu Việt Nam đã dự lễ khánh thành đài tưởng niệm các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam tham gia bảo vệ Moscow ở Mặt trận phía Đông (Eastern Front) trong Thế chiến thứ hai. Sự kiện là dịp để hai quốc gia tri ân các gia đình liệt sĩ đã ngã xuống trong Chiến tranh vệ quốc vĩ đại của Nga, đồng thời tô điểm hình tượng người lính Việt Nam trong bộ trang phục Hồng quân Liên Xô—lực lượng gắn với những chiến công quan trọng của phe Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít Đức. Với hoạt động mang tính biểu tượng này, dường như Moscow và Hà Nội đang muốn tiến thêm một bước trong việc kết nối các hoạt động hợp tác quốc phòng với tình hữu nghị giữa hai nước, từ đó củng cố quan hệ song phương.

Dù vậy, trong khi Nga đang **xem** việc đảm bảo khí tài cho hoạt động quân sự tại Ukraine là ưu tiên hàng đầu, Việt Nam cũng cần phải hành động khôn ngoan trước **nguy cơ** bị Washington áp dụng Đạo luật chống lại các đối thủ của Mỹ thông qua trừng phạt (CAATSA) —vốn nhắm tới các quốc gia mua sắm vũ khí và thiết bị quân sự từ Nga. Dù những yếu tố lịch sử có thể lý giải cho tình trạng phụ thuộc hiện tại của Việt Nam vào vũ khí của Nga, rất khó để thuyết phục các nghị sĩ Mỹ tin vào thành ý của Hà Nội nếu Việt Nam cứ tiếp tục mua sắm quốc phòng từ Moscow và thử thách sự kiên nhẫn của Washington trong thời gian tới. Do đó, Việt Nam sẽ không để việc phát triển quan hệ với Nga làm tổn hại **lòng tin chính trị** trong quan hệ với Mỹ. Giống như kinh nghiệm đúc kết được vào cuối thập niên 70 của thế kỷ trước, Hà Nội hiểu rằng tự giới hạn các lựa chọn chiến lược trong cạnh tranh địa chính trị là điều tối kỵ, và rằng củng cố quan hệ với nước này không nhất thiết triệt tiêu động lực tăng cường hợp tác với nước kia.

Những cân nhắc nêu trên cũng có thể là lý do mà sau khi đón tiếp phái đoàn Nga vào tháng 6, hoạt động đối ngoại của Việt Nam đã diễn ra sôi động với nhiều cuộc trao đổi đoàn và tiếp xúc cấp cao với Trung Quốc và Mỹ. Với Washington, từ ngày 8 đến ngày 12/7/2024, Việt Nam đón hai tàu chiến thuộc Hạm đội 7 của Hải quân Mỹ **vào** cảng Cam Ranh (thuộc tỉnh Khánh Hòa) để thắt chặt quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước. Hoạt động này **tiếp nối** cuộc gặp giữa Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ Daniel Kritenbrink và Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn tại Hà Nội hôm 21/6—chưa đầy một ngày sau khi ông Putin rời Việt Nam. Đại diện Washington **khẳng định** tôn trọng chính sách đối ngoại của Việt Nam và tin tưởng sâu sắc vào quan hệ giữa hai nước ở thời điểm hiện tại.

Với Bắc Kinh, nhân chuyến thăm chính thức Trung Quốc và dự Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) tại nước này từ ngày 25 đến 28/6/2024, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã gặp ông Tập Cận Bình, người đồng cấp Lý Cường, Ủy viên trưởng Nhân đại toàn quốc

(Quốc hội Trung Quốc) Triệu Lạc Tế và Chủ tịch Chính hiệp Vương Hộ Ninh. Các quan chức này cũng đồng thời là bốn ủy viên hàng đầu trong Ban Thường vụ Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa 20. Sau đó, khi đến chào từ biệt Chủ tịch nước Tô Lâm nhân kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam hôm 17/7, Đại sứ Trung Quốc Hùng Ba đã bày tỏ sự ủng hộ của Bắc Kinh đối với Hà Nội và cam kết “không để vấn đề Biển Đông ảnh hưởng đến tổng thể quan hệ hai nước”.

Bất chấp khoảng cách địa lý, quan hệ gần gũi giữa Việt Nam và Liên Xô cũ cũng như nước Nga hiện đại được đặc trưng bởi những giá trị truyền thống mang tính kế thừa và gắn bó chặt chẽ với quá trình phát triển của mỗi nước. Đặt trong bối cảnh hiện tại, các yếu tố này không chỉ tiếp tục giúp điều chỉnh khuôn khổ hợp tác song phương, mà còn phần nào ảnh hưởng đến tổng thể đường lối đối ngoại của Việt Nam. Với Hà Nội, chừng nào dấu ấn tích cực của tình hữu nghị Việt - Xô còn được nhắc lại như một biểu tượng của hoạt động giao lưu nhân dân, chừng đó quan hệ giữa Hà Nội và Moscow còn tìm

thấy điểm tựa là lòng tin chính trị được thử thách trong những khúc quanh của lịch sử. Và chừng nào sự tin cậy còn được vun đắp trong quan hệ song phương, chừng đó hai nước còn có cơ sở để duy trì “cách tiếp cận tương đồng hoặc gần gũi về các vấn đề cấp thiết và quan trọng trong chương trình nghị sự quốc tế,” như ông Putin đã chỉ ra.

Tuy nhiên, với Việt Nam, thực tiễn chứng minh rằng khi an ninh quốc gia bị chi phối mạnh mẽ bởi cạnh tranh chiến lược nước lớn, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên chưa bao giờ là việc dễ dàng. Nhiều khả năng chiến tranh Nga - Ukraine sẽ kéo dài, và bài toán đặt ra cho những nhà hoạch định chính sách tại Hà Nội là dự liệu về các kịch bản để phản ứng kịp thời và phù hợp. Trong thời gian qua, Việt Nam đã cho giới quan sát và các nước thấy rằng, với công cụ ngoại giao năng động trong tay, hành động kiên định với lợi ích cốt lõi nhưng vẫn linh hoạt điều chỉnh trọng tâm để duy trì trạng thái cân bằng giữa các cường quốc là một phương pháp “đi dây” hiệu quả, ít nhất là cho đến thời điểm hiện tại.



Việt Nam và Philippines thắt chặt hợp tác hàng hải: Kẻ thù của kẻ thù là bạn?

Hà Nội và Manila đang tăng cường hợp tác hàng hải trong bối cảnh Bắc Kinh đẩy mạnh các hoạt động gây hấn trên Biển Đông.

TRƯƠNG TUẤN KIỆT

Trong chuyến thăm cấp nhà nước đến Hà Nội vào tháng 1, Tổng thống Philippines Ferdinand Marcos Jr đã **nhấn mạnh** Việt Nam là “đối tác chiến lược duy nhất của Philippines” (the sole strategic partner of the Philippines) ở Đông Nam Á và

“hợp tác hàng hải là nền tảng” (maritime cooperation is the foundation) trong quan hệ song phương.

Trên cơ sở đó, hai nước đã ký **hai Biên bản Ghi nhớ** (MoU), bao gồm hợp tác hàng hải giữa cảnh

Ảnh: Bộ trưởng Quốc phòng Phan Văn Giang (P) duyệt đội danh dự trong chuyến thăm Philippines kéo dài từ ngày 29 - 31/8 - (C): Bộ Quốc phòng Philippines

sát biển Việt Nam với lực lượng tuần duyên Philippines (tập trung vào xây dựng năng lực, đào tạo, trao đổi nhân sự, tàu thuyền); và hợp tác phòng ngừa sự cố ở Biển Đông.

Từ động lực của các biên bản hợp tác trên, vào ngày 9/8, Việt Nam và Philippines đã **lần đầu tiên** tổ chức diễn tập chung, nội dung là tìm kiếm cứu nạn và ứng phó cháy nổ tại Vịnh Manila, trên bờ biển phía tây của miền bắc Philippines hướng ra Biển Đông. Hai nước **dự kiến** sẽ tổ chức một cuộc diễn tập khác vào cuối năm nay, khi đó Việt Nam sẽ là chủ nhà, và tuần duyên Philippines sẽ cử một tàu đến tham gia.

Mới đây nhất, Bộ trưởng Quốc phòng Phan Văn Giang đã có **chuyến thăm** Philippines từ ngày 29 - 31/8, theo lời mời của người đồng cấp Gilberto Teodoro. Nhân sự kiện này, hai bên đã ký **ý định thư** nhằm thúc đẩy hợp tác chặt chẽ hơn về hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa trên biển, cũng như về các thỏa thuận y tế quân sự.

Theo ông Teodoro, Manila và Hà Nội sẽ thảo luận chi tiết để đi

đến **ký MoU** vào cuối năm nay, có thể là đúng vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12). Nếu được thông qua, đây sẽ là thỏa thuận an ninh **toàn diện nhất** giữa hai nước từ trước đến nay, đánh dấu sự phát triển đáng kể trong mối quan hệ song phương.

Động lực nào khiến hai nước tăng cường hợp tác an ninh?

Trên thực tế, quần đảo Trường Sa của Việt Nam hiện chứng kiến nhiều chủ thể trong khu vực tham gia vào cuộc cạnh tranh và chiếm đóng, bao gồm Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan. Hơn nữa, Việt Nam và Philippines có tranh chấp về lãnh thổ tại khu vực này. Vào tháng 5/2023, Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Phạm Thu Hằng nêu quan điểm Việt Nam **phản đối** việc Philippines đã đặt năm phao hàng hải tại các địa điểm ở Biển Đông, trong đó bao gồm đá Ba Đầu (Whitson reef, thuộc quần đảo Trường Sa). Chính ông Teodoro trong cuộc gặp với Tướng Giang vừa qua cũng **thừa nhận** rằng vẫn có “những vấn đề riêng giữa hai quốc gia chúng ta”

(bilateral issues amongst our countries).

Tuy nhiên, động lực lớn nhất khiến hai nước sẵn sàng làm dịu bất đồng về chủ quyền lãnh thổ và tiến đến hợp tác an ninh là vì “phải đối mặt với các mối đe dọa chung” (face common threats), trong đó yếu tố Trung Quốc nổi lên như thách thức không thể rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, Việt Nam là đối tác Đông Nam Á “mạnh dạn” nhất trong việc hợp tác với Philippines để củng cố năng lực quốc phòng trước lập trường ngày càng cứng rắn của Bắc Kinh.

Trái với Manila và Hà Nội, hai quốc gia Đông Nam Á khác có yêu sách ở Biển Đông là Malaysia và Brunei lại thiếu ý chí chính trị để sẵn sàng gạt bỏ xung đột, cùng chống kẻ thù chung (tức Trung Quốc). Chẳng hạn, khi Manila đệ trình lên Ủy ban Ranh giới Thềm Lục địa (Commission on the Limits of the Continental Shelf) của Liên Hợp Quốc bản đăng ký mở rộng thềm lục địa tại khu vực Tây Palawan ở Biển Đông hồi tháng 6, Việt Nam đã thừa nhận giá trị

của đơn này, và cũng nộp một đơn với nội dung tương tự vào tháng 7. Ngược lại, Malaysia đã kiên quyết phản đối Philippines, vì cho rằng lá đơn của Manila xâm phạm chủ quyền đối với khu vực Sabah (phía bắc đảo Borneo) mà quốc gia này cho rằng mình có chủ quyền.

Đáng chú ý, chất keo gắn kết hợp tác an ninh giữa Việt Nam và Philippines không chỉ mới xuất

Lý do lớn nhất thúc đẩy Việt Nam và Philippines tăng cường hợp tác an ninh trong thời gian qua là vì phải cùng đối diện với thách thức chung mang tên Trung Quốc ở Biển Đông.



hiện kể từ đầu tháng 1 đến nay. Sự gắn kết này đã diễn ra trong nhiều thập kỷ qua, và được thể hiện rõ nhất mỗi khi căng thẳng giữa Manila và Bắc Kinh trên Biển Đông trở nên gay gắt.

Dưới thời chính quyền Tổng thống Fidel Ramos (1992 - 1998), Philippines đối mặt với thách thức lớn từ Trung Quốc liên quan đến đá Vành Khăn (Mischief Reef, thuộc quần đảo Trường Sa) vào năm 1995. Philippines khi đó là quốc gia chiếm đóng thực thể này, tuy nhiên vào tháng 2/1995, Trung Quốc đã **điều** bày tàu đến, sau đó bắt giữ và trục xuất các ngư dân của Philippines tại đây, đồng thời giành quyền kiểm soát cho đến nay. Cùng giai đoạn đó, Manila đã tích cực **vận động** để Việt Nam gia nhập ASEAN (tháng 7/1995), mở ra cơ hội để Hà Nội hội nhập sâu hơn với các quốc gia khác ở Đông Nam Á. Nhờ mối quan hệ tốt đẹp, Việt Nam và Philippines đã viện dẫn sự việc Trung Quốc chiếm đá Vành Khăn để **thúc đẩy** ASEAN quan tâm hơn đến vấn đề Biển Đông, tạo tiền đề để hình thành Tuyên bố về Cách Ứng xử của

Các bên trên Biển Đông (Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea) vào năm 2002.

Sau 17 năm, nổi ám ảnh với Philippines lại xuất hiện, lần này là tại bãi cạn Scarborough. Dù đã **đưa** chiến hạm BRP Gregorio del Pilar (tàu lớn nhất trong biên chế hải quân Philippines lúc bấy giờ) ra để chiếm đóng thực thể trên, nhưng cuối cùng dưới sức ép từ Trung Quốc, Manila lại một lần nữa phải **rời đi** và nhường quyền kiểm soát cho Bắc Kinh. Lịch sử vì thế cũng lặp lại với mối quan hệ Việt Nam - Philippines. Năm 2014 đã đánh dấu một cột mốc mới cho quan hệ song phương khi hải quân hai nước **tổ chức** chơi bóng chuyền và bóng đá trên đảo Song Tử Tây (Southwest Cay, hiện do Việt Nam kiểm soát). Phát ngôn viên hải quân Philippines khi đó là Trung tá Gregory Fabic đã nhận định sự kiện này **rất quan trọng** để “làm giảm căng thẳng” (ease up tension) và là “mô hình hợp tác để các lực lượng hải quân khác noi theo” (model of cooperation for the other navies to emulate).

Trong cùng năm, một cuộc họp quan trọng giữa Tổng thống Benigno Aquino III và Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã diễn ra. Tại đây, hai bên đã cùng nhau thảo luận phương án phối hợp để chống lại sự bành trướng của Trung Quốc trên Biển Đông. Kết quả là, Việt Nam đã ủng hộ quyết định của Manila kiện Trung Quốc lên Tòa Trọng tài Thường trực (Permanent Court of Arbitration - PCA) vào năm 2014, và cũng ủng hộ phán quyết cuối cùng của PCA hai năm sau đó. Trên cơ sở mối quan hệ tiến triển tốt đẹp, ngày 17/11/2015, Việt Nam và Philippines đã quyết định nâng cấp quan hệ lên thành Đối tác Chiến lược (Strategic Partnership), trong đó hợp tác quốc phòng, hàng hải là một trong những lĩnh vực chủ chốt.

Tuy nhiên, việc ông Rodrigo Duterte trở thành Tổng thống Philippines vào năm 2016 đã làm chệch hướng mối quan hệ đang phát triển nhanh chóng giữa Manila và Hà Nội. Tổng thống mới khi đó không chỉ phớt lờ Việt Nam (không tiếp đón bất kỳ nhà lãnh đạo cấp cao nào từ quốc gia này trong suốt sáu năm nhiệm

kỳ), mà còn thể hiện thái độ xích lại gần Bắc Kinh và né tránh việc lên án các hành động gây sức ép của cường quốc này trên Biển Đông.

Mặc dù vậy, một lần nữa sự cố xảy ra giữa Philippines với Trung Quốc lại là thời cơ để quan hệ với Việt Nam “được hâm nóng”. Vào năm 2019, ngư dân Việt Nam đã cứu vớt hàng chục ngư dân Philippines trôi lênh đênh trên biển sau vụ va chạm với một tàu dân quân Trung Quốc tại bãi Cỏ Rong (Reed bank). Một năm sau, đến lượt tàu cá Việt Nam bị lực lượng hải quân Trung Quốc đâm chìm ở quần đảo Hoàng Sa. Bộ Ngoại giao Philippines đã lên tiếng bày tỏ “mối quan ngại sâu sắc” (deep concern) về vụ việc trên, và thậm chí còn tuyên bố rằng “Chúng tôi đã và sẽ không ngừng biết ơn Việt Nam. Với suy nghĩ đó, chúng tôi đưa ra tuyên bố đoàn kết này” (We have not stopped and will not stop thanking Vietnam. It is with that in mind that we issue this statement of solidarity). Đáng chú ý, Manila hoàn toàn không có bất kỳ yêu sách chủ quyền nào ở quần đảo Hoàng Sa.

Mối quan hệ an ninh hàng hải giữa Việt Nam và Philippines dần ảm đạm vào nửa nhiệm kỳ sau của ông Duterte. Và điều này đã được kế thừa và phát triển lên một nấc thang cao hơn bởi người kế nhiệm là Ferdinand Marcos Jr (nhậm chức từ tháng 6/2022). Như thường lệ, khi Philippines nóng nhiệt trong mối quan hệ với Việt Nam thì căng thẳng trên Biển Đông giữa Manila với Bắc Kinh trở nên nóng hơn.

Để tìm hãm tham vọng bành trướng của Trung Quốc, kể từ tháng 2/2023, Tổng thống Marcos đã theo đuổi **Sáng kiến Minh bạch** (Transparency Initiative), nhằm vạch trần các chiến thuật vùng xám (grey-zone tactics) mà Bắc Kinh sử dụng bằng cách cử các lực lượng phi chính quy, tiêu biểu là các đội tàu dân quân biển để từng bước chiếm đoạt vùng biển, đảo của các nước khác mà không phải dùng lực lượng vũ trang trực tiếp với quy mô lớn.

Cùng với đó, trong một năm rưỡi nắm quyền vừa qua, Philippines đã **gửi** hơn 100 đơn phản đối Trung Quốc và nhiều lần triệu

tập đại sứ nước này vì các hành động gây hấn của Bắc Kinh trên Biển Đông. Đối với ông Marcos, Philippines cần “phải làm nhiều hơn thế nữa” (have to do more than just that) để ngăn Trung Quốc và bảo vệ yêu sách chủ quyền của Manila trên Biển Đông.

Tuy nhiên, Sáng kiến Minh bạch và quan điểm cứng rắn của chính phủ Tổng thống Marcos gần như **phốt lờ** hoàn toàn sự chỉ trích hướng đến Việt Nam, dù quốc gia này đang nhanh chóng **mở rộng** các thực thể của mình ở Biển Đông, cũng như vẫn còn tình trạng ngư dân Việt Nam **xâm phạm** vào ngư trường truyền thống của Philippines.

Như vậy, lý do lớn nhất thúc đẩy Việt Nam và Philippines tăng cường hợp tác an ninh trong thời gian qua là vì phải cùng đối diện với thách thức chung mang tên Trung Quốc ở Biển Đông. Tuy nhiên, đây không phải là diễn biến mới, mà đã thường xuyên xuất hiện trong ba thập kỷ qua, với điều kiện là quan hệ giữa Manila và Bắc Kinh trong vấn đề Biển Đông trở nên xấu đi.

Còn những rào cản cho hợp tác trong tương lai

Nếu không có biến cố nào xảy ra, ông Marcos sẽ nắm quyền tại Philippines cho đến năm 2028. Trong khoảng thời gian bốn năm tới, có lý do để tin rằng liên kết an ninh hàng hải giữa Việt Nam và Philippines sẽ tiếp tục tiến triển và gắn kết hơn, vì Tổng thống Marcos **không** cho thấy bất kỳ dấu hiệu nào muốn nhượng bộ hoặc hạ nhiệt căng thẳng với Trung Quốc trong các tranh chấp trên Biển Đông.

Tuy nhiên, khi xem xét kỹ hơn những tương tác giữa Hà Nội và Manila ở thời điểm hiện tại, dường như vẫn có các rào cản không dễ vượt qua. Cụ thể, dù mối quan hệ an ninh hàng hải giữa hai nước đang ở mức toàn diện nhất, nhưng những thỏa thuận vừa qua vẫn chỉ dừng lại ở cấp độ MoU, nghĩa là mức độ ràng buộc rất thấp, và mang tính tượng trưng.

Đồng thời, cuộc diễn tập song phương lần đầu tiên trong lịch sử là tín hiệu tốt cho mối quan hệ song phương, **song** khoa mục

hoàn toàn không mang tính nhạy cảm (cứu nạn cứu hộ), và số lượng tàu tham gia rất ít (một tàu tuần duyên Philippines và một tàu cảnh sát biển Việt Nam). Trong cuộc diễn tập thứ hai vào cuối năm nay, Manila dự kiến cũng chỉ cử **một chiếc** tàu duy nhất sang Việt Nam.

Các hoạt động mang tính biểu tượng này dường như xuất phát từ cách tiếp cận thận trọng của Việt Nam. Không giống Manila, Hà Nội có đường biên giới đất liền dài khoảng 1.400km với Trung Quốc, theo đó siêu cường phương Bắc có đến hai hướng gây sức ép đối với Việt Nam (trên biển và trên bộ). Thực tế này sẽ khiến Hà Nội khó “dũng cảm” tham gia bất kỳ thỏa thuận hợp tác hàng hải sâu rộng nào với các nước láng giềng Đông Nam Á, bao gồm cả Philippines, vì điều đó có thể gửi đi tín hiệu xấu đến Bắc Kinh rằng Hà Nội đang áp dụng cách tiếp cận cứng rắn đối với quốc gia láng giềng hùng mạnh hơn.

Cũng chính vì rào cản trên, Hà Nội luôn nỗ lực để duy trì sự cân bằng, vừa hợp tác vừa đấu tranh,

thay vì sẵn sàng ngả hẳn về một bên và chống bên còn lại—và đây cũng là quan điểm khá “truyền thống” của Việt Nam từ sau Chiến tranh Lạnh.

Do vậy, trong bối cảnh quan hệ với Philippines đang tốt đẹp, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn đã sang thăm Trung Quốc và gặp người đồng cấp Vương Nghị đến hai lần trong năm nay (tháng 4 và tháng 6). Tại hai lần gặp gỡ, Việt Nam và Trung Quốc đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận, nhận thức chung đã đạt được giữa hai bên về việc kiểm soát và giải quyết thỏa đáng các bất đồng trên biển. Mới đây, song song với thời điểm diễn tập tại Vịnh Manila, một tàu khinh hạm của hải quân Việt Nam đã thực hiện **chuyến thăm** kéo dài năm ngày đến tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), với mục đích “cải thiện sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau” (improve mutual understanding and trust).

Ngoài ra, hai nước cũng cần vượt qua rào cản về niềm tin nếu muốn đào sâu hơn nữa các nội dung hợp tác, trong đó đặc biệt

chú trọng đến nguy cơ Trung Quốc tìm cách gây chia rẽ. Chẳng hạn, vào tháng 7/2023, tờ Manila Times thân Bắc Kinh đã xuất bản hai bài báo chỉ trích việc Việt Nam quân sự hóa Biển Đông. Trong đó, bài viết đầu tiên (xuất bản ngày 16/7) đề cập đến một tài liệu bị rò rỉ của Bộ Quốc phòng Việt Nam, nêu rằng nước này đã **thuê** một công ty tư nhân để mở rộng các thực thể ở quần đảo Trường Sa gồm đảo Phan Vinh (Pearson reef), đá Tiên Nữ (Tennent reef) và bãi Thuyền Chài (Barque Canada reef). Bài viết thứ hai xuất bản 11 ngày sau đó đã **giải thích** chi tiết về kế hoạch quân sự hóa được cho là của Việt Nam.

Tuy vậy, hai bài báo có nhiều dữ liệu **không đáng tin cậy**. Trước hết, tài liệu mà hai bài báo đề cập không sử dụng chính xác, nhất quán ngôn ngữ và định dạng tiếng Việt chính thức. Đồng thời, tài liệu cũng chứa các lỗi ngữ pháp cơ bản mà gần như một tài liệu chính thức do Bộ Quốc phòng Việt Nam công bố sẽ không bao giờ mắc phải. Trong khi đó, tờ Philippine Daily Inquirer **ngghi ngờ** rằng đây là nỗ

lực của Trung Quốc nhằm gieo rắc bất hòa giữa Philippines và Việt Nam.

Dù thế nào đi nữa, đã có những đối tượng bị kích động từ hai bài báo của Manila Times. Cụ thể, vào ngày 1/8, một nhóm người Philippines đã xé quốc kỳ Việt Nam trước đại sứ quán Việt Nam tại Manila để phản đối. Hành vi này đã khiến Hà Nội **yêu cầu** Manila phải “xử lý nghiêm vụ việc” (strictly handle the case) và ngăn chặn nguy cơ tái diễn, đồng thời ám chỉ rằng bất kỳ sự cố tương tự nào cũng “có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước” (could affect the development of the strategic partnership between the two countries).

Tóm lại, mối quan hệ hợp tác an ninh giữa Việt Nam và Philippines đang ở mức tốt đẹp, được thúc đẩy “nhờ” tham vọng bành trướng của Trung Quốc trên Biển Đông. Mặc dù trạng thái tích cực này nhiều khả năng sẽ tiếp diễn trong thời gian tới, nhưng khó tạo ra bước đột phá vì vẫn còn những rào cản, đặc biệt

là từ chính sách ngoại giao cân bằng mà Hà Nội đang theo đuổi.





Trung Quốc quyết đoán ở Biển Đông: Việt Nam và Ấn Độ tăng cường hợp tác quốc phòng

Việt Nam, quốc gia đang chịu sức ép từ sự bành trướng của Trung Quốc ở Biển Đông, đang tăng cường hợp tác quốc phòng với Ấn Độ nhằm củng cố khả năng sẵn đề.

HUYỀN TÂM SÁNG

Việc Trung Quốc phô trương sức mạnh ở Biển Đông, nơi xảy ra tranh chấp giữa Hà Nội và Bắc Kinh trong nhiều thế kỷ qua, cùng với mối quan hệ bất đối xứng Trung - Việt đã thúc đẩy Việt Nam tăng cường quan hệ quốc phòng với các đối tác cùng chí hướng.

Đây chính là lúc tư duy chiến lược của Việt Nam gặp gỡ với nhu cầu thúc đẩy hợp tác quốc phòng với Ấn Độ, quốc gia từng ủng hộ các nỗ lực chống thực dân và công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của Hà Nội, đồng thời luôn giành sự ủng hộ đối với Việt Nam

Ảnh: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phan Văn Giang (T) đón người đồng cấp Ấn Độ Rajnath Singh thăm Việt Nam trong chuyến công tác tháng 6/2022 - (C): Đậu Tiến Đạt/Báo Thanh niên

trong quá trình quốc gia Đông Nam Á gia nhập các thể chế toàn cầu. Là đối tác truyền thống và đáng tin cậy của Ấn Độ, Việt Nam—“**trụ cột chính**” trong chính sách Hành động Phía Đông (Act East policy) của New Delhi—đã **ủng hộ** vai trò ngày càng tăng và mối quan hệ chặt chẽ hơn của cường quốc Nam Á này với ASEAN.

Trong khi mối quan hệ thân thiện củng cố lòng tin lẫn nhau, nhận thức chung sẽ làm tăng thêm tính cố kết của quan hệ song phương. Lãnh đạo hai bên cùng chia sẻ **quan điểm** về tầm quan trọng của việc tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ, duy trì tự do hàng hải ở Biển Đông, và nhu cầu giải quyết tranh chấp theo luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982.

Những quan điểm chiến lược này phù hợp với mục tiêu duy trì ổn định khu vực của Ấn Độ, vì **hơn một nửa** khối lượng thương mại của nước này đi qua Biển Đông và eo biển Malacca. New Delhi cũng gặt hái được nhiều lợi ích kinh tế từ một khu vực hàng hải

không bị cưỡng ép. Năm ngoái, chính phủ Việt Nam đã **gia hạn** thêm ba năm cho hoạt động thăm dò của ONGC Videsh, một công ty dầu khí được chính phủ Ấn Độ hậu thuẫn, tại 'Lô 128' trong vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông.

Đầu tháng 8, Thủ tướng Việt Nam Phạm Minh Chính đã có cuộc hội đàm với người đồng cấp Ấn Độ Narendra Modi tại New Delhi. Trong cuộc gặp này, lãnh đạo hai bên **tái khẳng định** các nguyên tắc hòa bình và dựa trên luật pháp để giải quyết căng thẳng ở Biển Đông, **nhấn mạnh** “không quân sự hóa và tự kiểm chế” trong mọi hành động “của các bên yêu sách và tất cả các quốc gia khác”.

Thú vị là, phát biểu bằng tiếng Hindi của ông Modi **có đoạn** “Chúng tôi ủng hộ phát triển, không ủng hộ chủ nghĩa bành trướng”. Tuyên bố của ông Modi có thể là một đòn chỉ trích thái độ hung hăng của Trung Quốc, truyền tải thông điệp rằng cả Ấn Độ và Việt Nam đều coi hành vi bành trướng là mối nguy hiểm nghiêm trọng đối với sự ổn định của khu vực.

Năm 2022, Việt Nam và Ấn Độ đã **ký kết** một thỏa thuận hậu cần quân sự lịch sử, cho phép hai nước sử dụng các căn cứ của nhau để sửa chữa và bổ sung vật tư, đồng thời đơn giản hóa quy trình sắp xếp các chuyến thăm của tàu chiến, máy bay quân sự và nhân sự đến bờ biển của nhau. Thỏa thuận hỗ trợ hậu cần này có tính chiến lược khi New Delhi cũng có các **thỏa thuận tương tự** với các đối tác quan trọng như Mỹ và Nhật Bản.

Ấn Độ cũng thường xuyên thực hiện các chuyến thăm tàu và ghé cảng tới Việt Nam, qua đó góp phần cho thấy hợp tác và tăng cường năng lực tương tác trên biển đã trở thành điều thông thường trong mối quan hệ song phương. Xét về địa chính trị, các chuyến thăm tàu tạo điều kiện để Hải quân Ấn Độ tăng cường **giám sát** eo biển Malacca, một tuyến đường quan trọng cho thương mại toàn cầu từ phía đông.

Hợp tác quốc phòng song phương Việt Nam - Ấn Độ cũng được **mở rộng** về mặt nội dung, bao gồm các cuộc đối thoại an

ninh hàng hải giữa các quan chức cấp cao, các chương trình đào tạo và xây dựng năng lực, cũng như chia sẻ thông tin.

Quyết tâm của Ấn Độ đã vượt ra ngoài các động thái ngoại giao mang tính biểu tượng. Trong giai đoạn 2020 - 2021, Ấn Độ đã tổ chức các cuộc **tập trận hải quân** với Việt Nam và các quốc gia thân thiện ở những khu vực

Sự hợp lực giữa Việt Nam và Ấn Độ có thể là minh chứng hiệu quả của một liên kết cường quốc tâm trung trong việc tăng cường khả năng răn đe mà không gây phản ứng dữ dội từ Bắc Kinh.

không có tranh chấp của Biển Đông. Hải quân hai phía cũng tổ chức một cuộc tập trận hàng hải song phương vào tháng 8/2021, thể hiện ý chí nâng cao khả năng tương tác và hỗ trợ lẫn nhau. Vào tháng 5/2023, lần đầu tiên Ấn Độ **điều** tàu chiến tham gia cuộc tập trận hàng hải kéo dài hai ngày với hải quân của bảy quốc gia ASEAN, bao gồm cả Việt Nam. Tàu săn ngầm INS Kiltan của Ấn Độ thậm chí đã đến Vịnh Cam Ranh của Việt Nam để tham gia trao đổi chuyên môn và huấn luyện an ninh với Hải quân Việt Nam. Động thái này mang ý nghĩa như một **thông điệp rắn đe tinh tế** đối với các hành vi gây hấn của Trung Quốc.

Vào năm 2022, Ấn Độ cũng đã **bàn giao** cho Việt Nam 12 tàu tuần tra tốc độ cao để giúp quốc gia đối tác thúc đẩy hiện đại hóa hải quân. Vào tháng 6/2023, Ấn Độ đã **tặng** tàu tên lửa nội địa INS Kirpan “trang bị đầy đủ vũ khí” cho Hải quân Nhân dân Việt Nam. Việc Việt Nam là đối tác nước ngoài **đầu tiên** nhận được tàu hộ vệ đang còn hoạt động đầy đủ của Ấn Độ cho thấy tầm quan trọng chiến lược của Hà

Nội đối với các nhà lãnh đạo ở New Delhi.

Vào tháng 8, hai nước đã ký kết một thỏa thuận trong đó Ấn Độ cam kết cung cấp cho Việt Nam khoản tín dụng trị giá **300 triệu USD** để tăng cường an ninh hàng hải nhằm đối phó với sự bành trướng của Bắc Kinh.

Hai bên đã **thảo luận** về việc bàn giao hệ thống tên lửa siêu thanh nội địa của Ấn Độ cho Việt Nam, nhưng các cuộc đàm phán chưa đạt được nhiều tiến bộ. Trong khi đó, Philippines đã **nhận được** lô tên lửa BrahMos đầu tiên vào tháng 4, giúp Manila tăng cường khả năng phòng thủ giữa hàng loạt **cuộc đối đầu** với Trung Quốc tại Bãi Cỏ Mây.

Với những hành động cường ép của Bắc Kinh ở vùng biển tranh chấp và nỗ lực của Ấn Độ để thể hiện mình là một đối tác chiến lược đáng tin cậy của Việt Nam, New Delhi và Hà Nội nên đẩy nhanh nỗ lực hoàn tất thỏa thuận vũ khí. Việc Ấn Độ bán BrahMos cho Việt Nam có tiềm năng **thúc đẩy** vai trò mới nổi của quốc gia Nam Á này với tư cách là nhà

cung cấp vũ khí lớn trong khu vực, đồng thời “tăng cường vũ trang cho một quốc gia Đông Nam Á chủ chốt khiến Trung Quốc phải đề phòng”.

Tuy nhiên, Ấn Độ—với tư cách là một quốc gia không có yêu sách trên Biển Đông—sẽ vẫn kiên trì “lập trường trung lập” của mình. Ở vùng biển tranh chấp, nơi lợi ích của Ấn Độ về cơ bản là kinh tế, tư thế an ninh của nước này - tránh can thiệp hoặc bị cuốn vào các tranh chấp ngoài môi trường chiến lược của mình - vẫn không thay đổi.

Quan hệ quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ đang phát triển hơn bao giờ hết. Với sự hỗ trợ ngoại giao và quốc phòng của Ấn Độ, Việt Nam có thể tăng cường sức mạnh và khả năng chống lại những nỗ lực của Trung Quốc nhằm thay đổi hiện trạng ở Biển Đông.

Khi Hà Nội và New Delhi đứng riêng rẽ, vị thế quân sự của cả hai đều chưa thể sánh với ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Tuy vậy, sự hợp lực giữa Việt Nam và Ấn Độ có thể

là minh chứng hiệu quả của một liên kết cường quốc tầm trung (middle-power alignment) trong việc tăng cường khả năng răn đe (deterrence) mà không gây phản ứng dữ dội từ Bắc Kinh.

Ghi chú của VSF:

Phiên bản tiếng Anh của bài viết đã được xuất bản trên FactsAsia với tiêu đề “Eyeing China, Vietnam-India defense ties on the upswing”. Bản dịch này do đội ngũ VSF thực hiện với sự chấp thuận của tác giả.





Kênh đào Funan Techo: Campuchia xích lại với Trung Quốc nhưng xa rời Việt Nam?

Dù hứa hẹn thúc đẩy quan hệ Campuchia - Trung Quốc, kênh đào Funan Techo vẫn không thôi gây nhiều băn khoăn cho Việt Nam.

TRƯƠNG TUẤN KIỆT

Vào ngày 5/8, lễ khởi công kênh đào Funan Techo - dưới sự chủ trì của Thủ tướng Hun Manet và Phu nhân Pich Chanmony—đã được **tổ chức** tại thôn Prek Takeo, xã Samrong Thom, huyện Kean Svay, tỉnh Kandal, cách trung tâm thủ đô Phnom Penh khoảng 35km.

Địa điểm khởi công cũng là điểm khởi đầu của dự án.

Có lẽ không hẳn là “vô tình” khi buổi lễ được tổ chức trùng với ngày sinh nhật của Chủ tịch Thượng viện Hun Sen. Ông Hun Sen là người ủng hộ mạnh mẽ dự

Ảnh: Quốc kỳ Campuchia được trình chiếu trong lễ khởi công kênh đào Funan Techo diễn ra vào vào ngày 5/8/2024 tại làng Prek Takeo, tỉnh Kandal - (C): Heng Sinith/AP

án này kể từ những ngày đầu. Trong một tuyên bố vào tháng 4, ông **nhấn mạnh** “Hãy yên tâm, kênh đào này không chỉ là niềm tự hào của quốc gia chúng ta mà còn là một dự án sinh lời cho người dân Campuchia”.

Đây không đơn thuần chỉ là sự kiện khởi công của một công trình cấp nhà nước. Campuchia xem sự kiện như **ngày lễ** mang tính quốc gia, quy tụ tới 10.000 người tham dự, và các tiếng chuông, tiếng cồng, tiếng trống đã cùng vang lên trên khắp cả nước vào đúng 9 giờ 9 phút sáng ngày 5/8. Bên cạnh đó, hai buổi **hòa nhạc** quy mô lớn đã được tổ chức, một buổi tại quận Koh Pich ở thủ đô Phnom Penh, và một buổi khác tại thị trấn Takhmao ở tỉnh Kandal. Chính quyền tỉnh Kandal cũng tổ chức các **cuộc thi** võ Kun Khmer, Bokator và các hình thức võ thuật khác để đánh dấu sự kiện khởi công này.

Kênh **Funan Techo** dài 180km, sẽ nối dòng chảy Prek Takeo (thuộc huyện Kien Svay) với dòng chảy Prek Ta Ek (thuộc huyện Saang), sau đó nối đến dòng chảy Prek Ta Hing (huyện Kothom). Tất cả

những địa điểm kể trên đều thuộc tỉnh Kandal và nằm trên phụ lưu của hệ thống sông Bassac (Việt Nam gọi là sông Hậu). Cuối cùng, con kênh nối lại vào dòng chảy Prek Takeo nằm trên địa hạt hai tỉnh Kampot và Kep.

Dự kiến con **kênh** sẽ rộng 100m ở thượng nguồn và 80m ở hạ lưu, có độ sâu 5,4m, và sẽ có hai làn đường vận chuyển để giúp các tàu thuyền di chuyển an toàn theo các hướng ngược nhau cùng một thời điểm. Theo thiết kế, Funan Techo có thể tiếp nhận tàu chở hàng lên tới 3.000 tấn vào mùa khô và 5.000 tấn vào mùa mưa.

Hợp tác “cùng có lợi” giữa Campuchia và Trung Quốc

Hồi tháng 10/2023, Campuchia đã ký **thỏa thuận** với Tập đoàn Cầu đường Trung Quốc (China Road and Bridge Corporation – CRBC) để lựa chọn đơn vị này làm chủ thầu xây dựng kênh đào Funan Techo. Sau khi thỏa thuận được thông qua, các **nhận định** ban đầu được đưa ra là CRBC sẽ tài trợ toàn bộ việc xây dựng (tức

năm 100% cổ phần) và đổi lại nhận được quyền sử dụng, khai thác kênh đào trong khoảng 50 năm.

Tuy nhiên, theo **xác nhận** của Thủ tướng Hun Manet vào đầu tháng 6, kênh đào Funan Techo không còn là dự án hoàn toàn do nước ngoài sở hữu nữa, vì các doanh nghiệp Campuchia hiện nắm giữ 51% cổ phần, trong khi phần còn lại dành cho CRBC. Như vậy, trên danh nghĩa Phnom Penh là bên có quyền quyết định chính đối với dự án này, và do đó có thể chủ động hợp tác cùng có lợi với Bắc Kinh.

Thông qua sự hỗ trợ của Trung Quốc trong việc xây dựng con kênh này, Campuchia có thể giải quyết phần nào khủng hoảng thất nghiệp trong nước và kích thích tăng trưởng kinh tế. Theo đó, khi có sự xuất hiện của con kênh, các khu vực như Kep và Kampot sẽ trở nên dễ tiếp cận hơn, kết nối tốt hơn với thủ đô Phnom Penh. Điều này có thể **giúp** tạo ra việc làm mới (hứa hẹn hơn 50.000 việc làm) và tăng doanh thu trong các lĩnh vực dịch vụ và khách sạn, từ đó giảm sự phụ

thuộc của nền kinh tế Campuchia vào xuất khẩu nông nghiệp và sản xuất truyền thống.

Đồng thời, con kênh có thể đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết dòng chảy của sông Mekong, vì thế giảm thiểu rủi ro lũ lụt và đảm bảo nguồn cung cấp nước đáng tin cậy hơn cho tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản, giúp ngành nông nghiệp Campuchia tạo ra năng suất cao hơn. Bên cạnh đó, các khu vực dọc theo chiều dài của kênh đào có thể mang lại các lợi ích như thành lập các khu thương mại và trung tâm hậu cần, phát triển các thành phố/khu vực vệ tinh mới, cũng như mở rộng các khu phát triển cho nông nghiệp, thủy lợi, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi. Từ loạt lợi ích kể trên, Phó Thủ tướng Sun Chanthol tuyên bố kênh đào dự kiến sẽ **mang lại** nguồn thu 88 triệu USD trong năm đầu tiên, và kể từ năm 2050 có thể kiếm được 570 triệu USD mỗi năm.

Hơn nữa, kênh Funan Techo hứa hẹn là chất xúc tác để Campuchia thu hút thêm đầu tư của Trung Quốc. Chẳng hạn, kênh

đào có thể thúc đẩy việc hình thành thêm các đô thị mới, ổn định năng suất nông nghiệp, cũng như thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng. Các lợi ích này có thể tạo thêm sức hấp dẫn để hình thành các đặc khu kinh tế mới do Trung Quốc hậu thuẫn (như trường hợp của **Sihanoukville**).

Cùng với đó, kênh đào sẽ kết nối trực tiếp với đặc khu Sihanoukville, nơi quy tụ phần lớn các công ty Trung Quốc lập nhà máy sản xuất, là trọng tâm đầu tư theo Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), và là cơ sở xuất khẩu lớn nhất của Campuchia. Khi kênh đào hoàn thành, việc kết nối giao thương từ kênh Funan Techo với Sihanoukville sẽ còn trở nên thuận tiện hơn, qua đó giúp Campuchia xuất khẩu nhiều hàng hóa hơn sang thị trường tỷ dân.

Triển vọng tăng cường xuất khẩu là rất cần thiết với Phnom Penh vì cho đến nay quốc gia Đông Nam Á này vẫn chịu mức thâm hụt lớn trong thương mại với Bắc Kinh. Trong nửa đầu năm 2024, **kim ngạch** thương mại hai chiều đạt hơn 7,31 tỷ USD, nhưng hàng

hóa xuất khẩu từ Campuchia sang Trung Quốc chỉ đạt 814,8 triệu USD, tức thâm hụt khoảng 5,69 tỷ USD.

Tuy nhiên, kênh đào nhiều khả năng sẽ không phục vụ cho mục đích “quân sự hóa”, chẳng hạn cho phép tàu hải quân Trung Quốc đi sâu vào nội địa Campuchia. Trước đó, hồi tháng 3, các nhà nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông đã **quan ngại** rằng kênh đào Funan Techo có thể cho phép tàu quân sự Trung Quốc đi vào và tiếp cận khu vực biên giới giữa Campuchia với Việt Nam, đe dọa đến tình hình an ninh - quốc phòng trong khu vực. Đáp trả quan ngại này, ông Hun Sen **khẳng định** rằng Phnom Penh sẽ không làm như vậy vì đưa quân đội nước ngoài vào lãnh thổ sẽ vi phạm Điều 53 và Điều 55 của **Hiến pháp** Campuchia. Tuyên bố này có thể đáng tin vì với độ sâu dự kiến chỉ **5,4m**, kênh đào Funan Techo quá nông để có thể tiếp nhận tàu chiến.

Còn đối với Trung Quốc, những công trình như kênh đào Funan Techo là một bước đi quan trọng

để siêu cường châu Á này tiếp tục tìm kiếm vai trò thống trị ở Đông Nam Á lục địa (gồm Campuchia, Lào, Myanmar, bán đảo Malaysia, Thái Lan và Việt Nam). Bắc Kinh cũng là nhà thầu xây dựng của nhiều dự án huyết mạch tại khu vực, có thể kể đến như đường sắt tốc độ cao **Côn Minh - Vientiane** (dự kiến sẽ kéo dài qua Thái Lan, Malaysia và Singapore), đường cao tốc **Phnom Penh - Sihanoukville, Trung Quốc - Myanmar...**

Kênh đào Funan Techo có điểm cuối nằm ở khu vực biển phía nam của Campuchia, có vị trí chiến lược vì được bao quanh toàn bộ bởi Vịnh Thái Lan. Nhờ là chủ thầu của cả hai dự án kênh đào Funan Techo, và **căn cứ quân sự Ream** (nằm cách điểm cuối của kênh đào không xa), Trung Quốc có điều kiện thuận lợi để hiện diện tại khu vực này. Đây cũng là bàn đạp để Bắc Kinh giám sát các cảng quan trọng về mặt thương mại và quân sự lân cận ở Thái Lan, Malaysia và miền nam Việt Nam. Quan trọng hơn, bờ biển phía nam của Campuchia nằm gần các tuyến đường vận chuyển quốc tế và

thêm lục địa giàu dầu mỏ giữa Việt Nam và Indonesia, một phần trong số đó nằm trong yêu sách “đường lưỡi bò” phi pháp của Trung Quốc trên Biển Đông.

Ngoài ra, nếu các tỉnh đông nam Campuchia được hiện đại hóa, tăng trưởng sản xuất như mục đích được đưa ra từ kênh đào Funan Techo, khi đó các trung tâm mà Trung Quốc đầu tư như đặc khu Sihanoukville hay căn cứ quân sự Ream có thể tiếp cận nguồn cung thực phẩm cũng như các ngành công nghiệp hỗ trợ dễ dàng hơn. Điều này có lợi cho các công ty Trung Quốc vì họ có thể tiếp nhận nguồn cung ngay tại Campuchia, thay vì tốn thời gian và kinh phí để vận chuyển từ quê nhà sang.

Như vậy, hợp tác xây dựng kênh đào Funan Techo là một thương vụ cùng có lợi (win - win) cho cả Campuchia và Trung Quốc. Trong khi Phnom Penh hướng tới đạt được một loạt các lợi ích kinh tế, cũng như tăng cường kết nối giao thương với thị trường tỷ dân, thì ở chiều ngược lại, Bắc Kinh tiến thêm một bước trong việc tăng cường ảnh hưởng trong khu

Có thể thấy rằng một khi Campuchia xích lại gần hơn với Trung Quốc, thì điều này không phải lúc nào cũng có ý nghĩa tích cực cho lợi ích của Việt Nam.



vực, và đa dạng hóa chuỗi cung ứng. Có thể nhận định rằng kênh đào Funan Techo có vai trò “xương sống” chiến lược trong việc thúc đẩy hợp tác giữa Campuchia và Trung Quốc thời gian tới.

Nhưng cũng có những khó khăn tiềm tàng

Khi dự án được công bố lần đầu vào năm 2023 sau 26 tháng nghiên cứu tính khả thi,

Campuchia đã đặt ra mục tiêu sẽ hoàn thành kênh đào vào năm 2028. Tuy nhiên, trong bài phát biểu hồi tháng 5, ông Hun Manet cho rằng dự án có thể phải mất 5 - 6 năm để hoàn thành.

Điều này làm dấy lên mối quan ngại về việc liệu kênh đào Funan Techo có thể phải đối diện với việc thiếu hụt ngân sách trong thời gian tới hay không, đặc biệt là khi các nhà đầu tư Campuchia đang nắm phần lớn cổ phần.

Nghi ngại trên hoàn toàn có khả năng xảy ra vì Campuchia hiện đang nợ Trung Quốc khoảng 4,5 tỷ USD, tương đương 40% tổng số nợ nước ngoài của Phnom Penh. Chính Thủ tướng Hun Manet cũng từng thừa nhận rằng “Campuchia còn rất nhiều việc phải làm” (Cambodia has a lot more to do) để đạt được các mục tiêu đề ra.

Hơn nữa, chi phí dự kiến được đề ra hiện nay (1,7 tỷ USD) dường như là quá thấp và có thể chưa phản ánh đúng số tiền trên thực tế phải bỏ ra để hoàn thiện dự án. Ông Phạm Phan Long (người sáng lập của Viet Ecology

Foundation), cho rằng có **hai lý do** để chứng minh cho nhận định trên.

Trước hết, có một con kênh ở Trung Quốc dài 100km (ngắn hơn Funan Techo) nhưng chi phí xây dựng hơn 10 tỷ USD. Cùng với đó, chiều dài dự kiến của Funan Techo ngang bằng với đường cao tốc Phnom Penh - Sihanoukville nhưng rộng hơn gấp ba đến bốn lần. Cấu trúc như vậy đòi hỏi kênh phải được thiết kế để chịu được cả áp lực nước và nhiễu động từ việc di chuyển của các tàu buôn lên đến 5.000 DWT (**DWT** là tên viết tắt của “deadweight tonnage”—có nghĩa là trọng tải toàn phần, chỉ ra khối lượng vận tải an toàn mà một tàu thủy có thể chuyên chở). Tải trọng lớn như vậy đòi hỏi kênh phải có nền chắc hơn đường cao tốc, tức phát sinh nhiều chi phí hơn, trong khi số tiền bỏ ra để xây đường cao tốc là **2 tỷ USD**.

Động thái của Việt Nam

Sau khi Campuchia tổ chức lễ khởi công, Phó Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Đoàn Khắc Việt đã khẳng định rằng Việt Nam **ủng**

hộ nỗ lực phát triển của Campuchia cũng như tôn trọng việc quốc gia này xây dựng và triển khai dự án kênh đào Funan Techo, đồng thời mong muốn cùng phối hợp nghiên cứu đánh giá tổng thể toàn diện về những tác động của dự án, và có những biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động.

Cũng trong khoảng thời gian này, vào ngày 8/8, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Hoàng Xuân Chiến đã đến chào xã giao Bộ trưởng Quốc phòng Campuchia Tea Seiha, trong khuôn khổ chuyến công tác tại Campuchia để tham dự Đối thoại Chính sách Quốc phòng lần thứ bảy giữa hai nước. Tại buổi gặp, ông Chiến khẳng định Việt Nam luôn **coi trọng**, ưu tiên củng cố và phát triển quan hệ láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, cũng như quan hệ hợp tác toàn diện, lâu dài và bền vững với Campuchia.

Nhìn chung, Hà Nội đã thể hiện quan điểm kiềm chế, kêu gọi sự hợp tác và không muốn chỉ trích công khai Campuchia, có thể vì lo ngại bị xem là can dự vào công việc nội bộ của nước láng

dd

giếng. Đây là một ký ức lịch sử nhạy cảm giữa hai nước. Trong quá khứ, Việt Nam đã từng đưa quân đội sang Campuchia để tiêu diệt đội quân Khmer Đỏ do Trung Quốc hậu thuẫn. Từ đó, Việt Nam “mang tiếng” can thiệp vào quốc gia láng giềng, và bị Trung Quốc vin vào đó để kêu gọi quốc tế cô lập Hà Nội. Để bảo vệ đồng minh Pol Pot, Bắc Kinh thậm chí đã quyết định dạy cho Việt Nam “**một bài học**” khi đưa quân sang tấn công biên giới phía Bắc nước ta vào tháng 2/1979 nhằm “giải vây” cho Pol Pot và tạo điều kiện cho lực lượng này trở lại.

Từ ký ức lịch sử đó, có thể thấy rằng một khi Campuchia xích lại gần hơn với Trung Quốc, thì điều này không phải lúc nào cũng có ý nghĩa tích cực cho lợi ích của Việt Nam. “Tin mừng” cho Việt Nam là dự án kênh đào Funan Techo sẽ không có hoặc rất ít có nguy cơ gây ra mối đe dọa về an ninh, vì như đã phân tích, con kênh quá nông để có thể tiếp nhận tàu chiến Trung Quốc vào sâu trong lãnh thổ Campuchia. Tuy nhiên, Hà Nội nhiều khả năng vẫn sẽ tiếp tục

duy trì sự thận trọng, dè chừng với các tác động từ dự án này.

Đồng thời, việc triển khai kênh đào thể hiện quyền tự quyết của Campuchia, do vậy, Việt Nam dù muốn hay không thì cũng chỉ có thể tiếp tục kêu gọi Phnom Penh hợp tác, chia sẻ dữ liệu nguồn nước, thay vì đưa ra quan điểm có phần cứng rắn là kêu gọi quốc gia láng giềng đánh giá đầy đủ hơn các tác động của dự án và “đề nghị [người viết nhấn mạnh] phía Campuchia phối hợp chặt chẽ với Việt Nam chia sẻ thông tin”, như trong **tuyên bố** của ông Hoàng Khắc Việt vào tháng 4 năm nay.

Trong trường hợp lý tưởng, chính phủ Campuchia nên khởi động quá trình tham vấn và phối hợp chặt chẽ với Việt Nam để hướng tới sự thấu hiểu lẫn nhau, minh bạch, chia sẻ thông tin và tối ưu thiết kế kỹ thuật cho kênh đào. Mặc dù vậy, điều này không có nhiều khả năng diễn ra vì ông Hun Sen hồi tháng 4 từng một mực **khẳng định** rằng “Tôi sẽ không lùi bước về vấn đề này và tôi muốn nhấn mạnh một cách thẳng thắn rằng không cần phải

đàm phán” (I will not back down on this and I want to stress frankly that there is no need to negotiate).

Trước thực trạng đó, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cũng đang ráo riết tìm cách để thích nghi với nguy cơ thiếu nước ngọt trong thời gian tới (trong đó kênh đào Funan Techo là một tác nhân). Chẳng hạn, đối với những khu vực xâm nhập mặn nhiều, mô hình đang được đề xuất là **lúa - tôm**, nghĩa là trồng lúa vào mùa mưa (vì có nước ngọt), rồi chuyển sông nuôi tôm vào mùa khô (khi bị xâm nhập mặn). Còn với những nơi bị xâm nhập mặn ít hơn, người nông dân đang chuyển đổi sang trồng các loại cây chịu được mặn như **dừa, xương rồng, tre...**

Tổng kết lại, việc khởi công kênh đào Funan Techo là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với Campuchia, đánh dấu thêm một bước nữa trong mối quan hệ hợp tác ngày càng sâu sắc giữa quốc gia Đông Nam Á này với Trung Quốc. Trong khi đó, Việt Nam không công khai phản đối kênh đào này, nhưng cũng nỗ lực

để kêu gọi thái độ thiện chí của Campuchia trong vấn đề nguồn nước, đồng thời tìm cách thích nghi với tình hình mới.



Với tầm nhìn phát triển dự án trở thành một nền tảng học thuật có tính mở, khuyến khích các trao đổi và tranh luận, VSF hoan nghênh các nhà nghiên cứu, học giả, và giảng viên gửi các bài phân tích, bình luận chuyên sâu về các sự kiện và vấn đề liên quan tới chính sách đối ngoại và chính trị nội bộ của Việt Nam, những chuyển động kinh tế - chính trị trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, và các chủ đề có liên quan.

Cộng tác

- Phân tích, bình luận gửi về VSF phải là những bài viết chưa từng được gửi đăng/công bố ở bất kỳ diễn đàn, tạp chí, hay ấn phẩm thông tin nào trước đó.
- Bài viết có thể do một hoặc đồng tác giả đóng góp.
- Các bài gửi đăng có thể được viết bằng tiếng Việt với độ dài từ 1200-3000 từ hoặc tiếng Anh với độ dài từ 800-2000 từ.
- Các bài viết gửi về VSF phải đảm bảo các nguyên tắc: chính xác và không đạo văn, trung lập và khách quan, đa chiều và sâu sắc, khoa học và logic.
- VSF sử dụng nguồn trích dẫn dưới dạng hyperlink.
- Các bài viết gửi về VSF dưới dạng Word (.doc hoặc .docx) với tên [tên bài viết]_[tên tác giả hoặc đồng tác giả].
- Bài viết phải có phần tóm tắt nội dung, được đặt ở đầu bài, trong khoảng 2 câu.
- Cuối bài viết, khuyến khích các tác giả hoặc nhóm tác giả cung cấp thông tin vắn tắt: họ và tên, học vị, đơn vị đang công tác, lĩnh vực nghiên cứu hoặc định hướng nghiên cứu chủ yếu, và (có thể) đính kèm một liên kết mạng xã hội của tác giả hoặc đồng tác giả.
- Bài viết gửi về địa chỉ: vnstrategic@gmail.com với tiêu đề [VSF]_[TÊN BÀI VIẾT]
- VSF sẽ phản hồi tác giả trong vòng 3 ngày làm việc từ thời điểm nhận được bài viết.

VIETNAM STRATEGIC FORUM

VIỆT NAM VÀ NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG CHIẾN LƯỢC Ở KHU VỰC

VSF ★ VIETNAM
STRATEGIC
FORUM

Vietnam Strategic Forum (vsforum.org) là một nền tảng học thuật độc lập, phi lợi nhuận và phi chính trị với những bài phân tích, đánh giá và bình luận chuyên sâu về quan hệ ngoại giao, chính trị đối nội của Việt Nam, và các chuyển động quan hệ quốc tế trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

✉ vnstrategic@gmail.com

f facebook.com/vsf.forum

x [VSF_forum](#)

in [Vietnam Strategic Forum](#)